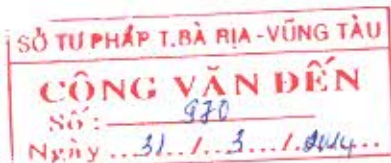


R
k^o gửi ST
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

60
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *13* /2014 /QĐ-UBND

13/03
Bà Rịa, ngày 20 tháng 3 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu .

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26 / 11 / 2003;

Căn cứ Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 139/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 07/2008/QĐ-BTC ngày 29/01/2008 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2614 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu tại Tờ trình số : 002 / HĐQL- QĐTPT , ngày 26 tháng 12 năm 2014 về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Điều 3.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở : Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch & Đầu tư; Kho Bạc nhà nước tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; Giám đốc Quỹ; Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh và Thủ trưởng các Sở, Ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT. Tỉnh Ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT và các TV HĐQT Quỹ;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu : VT-TH . (25/02/2014).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu .

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2014/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là **Quỹ**) được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định 138/2007/NĐ-CP) và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2007/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định 37/2013/NĐ-CP) .

Điều 1: Định nghĩa

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau :

1. “ Vốn điều lệ ” là số vốn ghi trong Điều lệ này.
2. “ Vốn điều lệ thực có ” là số vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ .
3. “ người có liên quan ” là cha, mẹ ruột; cha, mẹ nuôi; vợ, chồng; con, con nuôi; anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.
4. “ Vốn hoạt động ” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ tại một thời điểm.
5. “ Đầu tư trực tiếp vào các dự án ” là việc Quỹ sử dụng vốn hoạt động của mình để đầu tư vào các dự án; trong đó, Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.
6. “ Cho vay hợp vốn ” là việc Quỹ và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.

Điều 2. Thông tin chung về Quỹ

1. Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu là một tổ chức tài chính Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Quỹ thực hiện chức năng đầu tư tài chính và đầu tư phát triển; có tư cách pháp nhân; có vốn Điều lệ; có con dấu riêng; có bảng cân đối kế toán riêng; được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm :

a) Vốn điều lệ thực có.

b) Vốn điều lệ phân cấp bổ sung (nếu có) được bố trí trong dự toán chi hàng năm của ngân sách cấp tỉnh và do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Vốn bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển .

d) Vốn tự bổ sung hàng năm trong quá trình hoạt động.

đ) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

e) Tiền đóng góp tự nguyện, các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật để hình thành vốn chủ sở hữu.

4. Vốn điều lệ của Quỹ là : **500 (năm trăm) tỷ Việt Nam đồng.** (*Phần vốn ngân sách cấp tỉnh cấp theo Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 18/7/2013 của HĐND tỉnh*).

5. Địa chỉ trụ sở chính của Quỹ đặt tại số 33 đường 3/2, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Tên gọi của Quỹ : Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu

7. Tên giao dịch quốc tế: Ba Ria-Vung Tau Development Investment Fund.

8. Tên giao dịch viết tắt : BVDIF

Điều 3. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và bộ máy cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ .

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

Quỹ hoạt động theo *mô hình ngân hàng chính sách*, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, *không vì mục tiêu lợi nhuận*, bảo toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Điều 5. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các Đoàn thể của Quỹ hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ của tổ chức đoàn thể và các quy định khác của pháp luật.

Điều 6. Quản lý Nhà nước đối với Quỹ Đầu tư phát triển .

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trực tiếp quản lý hoạt động của Quỹ và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định 37/2013/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP; Nghị định 37/2013/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 7. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn thực hiện các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội của tỉnh.

2. Tiếp nhận, quản lý vốn ủy thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác; phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh để huy động vốn cho ngân sách tỉnh.

3. Thực hiện đầu tư trực tiếp vào các dự án, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

4. Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ phát triển nhà ở, Quỹ phát triển đất, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và các Quỹ tài chính khác do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập. Việc ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác, mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

5. Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Điều 8. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Thực hiện đầu tư trực tiếp hoặc cho vay đầu tư các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh; hoặc góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để đầu tư trực tiếp vào các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đầu tư đúng quy định, đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả; thu hồi kịp thời, đầy đủ cả nợ gốc và nợ lãi.

3. Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

6. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Quỹ. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và Bộ Tài chính.

7. Quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn; bảo đảm an toàn và phát triển vốn; tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.

8. Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với tổ chức, cá nhân đã cho Quỹ vay vốn.

9. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định hiện hành.

10. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 9. Quyền hạn của Quỹ

1. Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ.

2. Được tổ chức hoạt động đầu tư, kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Điều lệ này.
3. Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao; khai thác các nguồn lực nhằm tăng nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ.
4. Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, theo đúng pháp luật Việt Nam.
5. Được lựa chọn các dự án thuộc đối tượng có hiệu quả để quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh .
6. Được đầu tư vào các dự án với tư cách là chủ đầu tư hoặc đồng chủ đầu tư; cho vay hoặc hợp vốn cho vay đối với các dự án; góp vốn thành lập doanh nghiệp; ủy thác và nhận ủy thác theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ . Được cử người đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn.
7. Có quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định đầu tư, cho vay; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án.
8. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp.
9. Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ và tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay đầu tư và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.
10. Được đình chỉ việc đầu tư, cho vay, góp vốn; thu hồi các khoản đầu tư trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.
11. Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, cung cấp vốn nếu xét thấy trái pháp luật, trái Điều lệ hoạt động của Quỹ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.
12. Được ban hành các quy chế, quy trình hoạt động để làm căn cứ triển khai hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của Quỹ trong từng thời kỳ.
13. Được tuyển dụng, thuê mướn, bổ trí, sử dụng và đào tạo cán bộ; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ theo cơ chế tiền lương, tiền thưởng và xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ được thực hiện theo quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn

một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn (Kh15-Đ1-NĐ37) và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

14. Được cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

15. Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Điều 10. Huy động vốn

1. Quỹ được huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư cho các dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước, bao gồm:

a) Vay các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng vay vốn. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật.

c) Các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ không được thực hiện huy động vốn ngắn hạn.

3. Giới hạn huy động vốn của Quỹ: Tổng mức vốn huy động tại khoản 1 Điều này tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

4. Trường hợp huy động vốn cho ngân sách tỉnh được thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh và không tính vào nguồn vốn huy động của Quỹ.

Điều 11. Đầu tư trực tiếp vào các dự án

1. Đối tượng đầu tư:

a) Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

b) Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện đầu tư theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Điều kiện đầu tư:

a) Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

3. Phương thức đầu tư :

a) Quỹ có thể đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định tại Điều lệ này.

b) Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức đầu tư :

a) Tùy từng điều kiện cụ thể, Quỹ được lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây :

- *Đầu tư theo các hình thức : hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng-kinh doanh-chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng-chuyển giao-kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT), hợp tác công tư (ppp) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư.*

- Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư, hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

b) Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

5. Giới hạn đầu tư : Giới hạn tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp vào các dự án của Quỹ tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

6. Thẩm quyền quyết định đầu tư :

a) Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10 % vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến 10 % vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Giám đốc Quỹ lựa chọn dự án trong danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm hoặc theo thời kỳ để thẩm định, dự kiến mức vốn đầu tư đối với từng dự án và báo cáo Thường trực Hội đồng để trình Hội đồng xem xét quyết định dự án được đầu tư và mức vốn đầu tư một dự án theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

d) Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Hội đồng, Giám đốc Quỹ **chịu trách nhiệm thẩm định và hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện đầu tư.**

Điều 12. Cho vay đầu tư

1. Đối tượng cho vay : Đối tượng cho vay là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ưu tiên phát triển của

địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện cho vay theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

3. Điều kiện cho vay : Quỹ chỉ thực hiện cho vay khi chủ đầu tư bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây :

a) Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ.

c) Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam.

d) Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế .

4. Thời hạn cho vay : Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 (mười lăm) năm . Trường hợp đặc biệt vay trên 15 năm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Lãi suất cho vay :

a) Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo *nguyên tắc* không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ và đảm bảo bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

b) Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

c) Quỹ được quyền quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này.

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội theo quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này; *trường hợp này trong hồ sơ vay vốn của chủ dự án phải kèm theo văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất tối thiểu của Quỹ và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó để Quỹ thực hiện nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn.*

e) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau :

- Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.

- Có quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ : Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã bố trí đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ theo quy định tại Tiết c Khoản 5 Điều này và theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/ NĐ-CP để đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn hoạt động của Quỹ.

g) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của Nghị định số 37/2013/ NĐ-CP và Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thoả thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

6. Giới hạn cho vay :

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án.

Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời vừa đầu tư trực tiếp và vừa cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

c) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp khác với quy định của Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thoả thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

7. Thẩm quyền quyết định cho vay :

a) Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15 % vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 15 % vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Giám đốc Quỹ lựa chọn dự án trong danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm hoặc theo thời kỳ để thẩm định, dự kiến mức vốn cho vay đầu tư đối với từng dự án và báo

cáo Thường trực Hội đồng để trình Hội đồng xem xét quyết định dự án được cho vay đầu tư và mức vốn cho vay đầu tư từng dự án theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

d) Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Hội đồng, Giám đốc Quỹ **chịu trách nhiệm thẩm định và** hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo **đúng** quy định của pháp luật và thực hiện cho vay đầu tư.

8. Bảo đảm tiền vay : Căn cứ vào đặc điểm của từng dự án đầu tư, Quỹ lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây :

- a) Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư;
- b) Cầm cố, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay;
- c) Bảo lãnh của bên thứ ba;
- d) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

9. Cho vay hợp vốn :

a) Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

b) Việc cho vay hợp vốn phải thành lập hợp đồng với các điều kiện, điều khoản tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này.

c) Lãi suất cho vay hợp vốn do Quỹ tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Khoản 6 Điều 12 Điều lệ này.

10. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư thực hiện theo quy định của Nhà nước áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

11. Xử lý rủi ro :

a) Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau :

- Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoan nợ.

- Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

+ Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;

+ Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

+ Được xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

b) Thẩm quyền xử lý rủi ro :

- Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.
- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc xoá nợ lãi.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoan nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ gốc, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 13. Góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế

1. Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (*gọi là doanh nghiệp*) theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều 11 của Điều lệ này.

2. Thẩm quyền quyết định góp vốn :

a) Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

c) Giám đốc Quỹ lựa chọn nhà đầu tư có nhu cầu thành lập doanh nghiệp để đầu tư vào dự án trong danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm hoặc theo thời kỳ để thẩm định, dự kiến mức vốn góp thành lập doanh nghiệp để đầu tư và báo cáo Thường trực Hội đồng để trình Hội đồng xem xét quyết định chọn nhà đầu tư và mức vốn góp thành lập doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

d) Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Hội đồng, Giám đốc Quỹ **chịu trách nhiệm thẩm định và** hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo **đúng** quy định của pháp luật và thực hiện góp vốn thành lập doanh nghiệp .

3. Giới hạn góp vốn : Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện .

4. Quỹ thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua đại diện của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp.

Việc cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

5. Người quyết định cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn không được là người có liên quan với người được cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp đó.

6. Quỹ có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào doanh nghiệp và các quyền có được từ phần vốn đã góp để thu hồi vốn.

Việc chuyển nhượng thực hiện theo Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn và các quy định của pháp luật. Giá chuyển nhượng thực hiện theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng.

Cấp nào quyết định góp vốn thì quyết định việc chuyển nhượng phần vốn góp của Quỹ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 14. Nhận ủy thác và ủy thác

1. Nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ ; Cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

b) Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn khác từ ngân sách, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đó.

c) Quỹ được thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Ủy thác:

a) Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Chương IV CÁC NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 15. Vốn hoạt động

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau :

a) Vốn điều lệ thực có.

b) Vốn điều lệ phân cấp bổ sung (nếu có) được bố trí trong dự toán chi hàng năm của ngân sách cấp tỉnh và do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Vốn bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển .

d) Vốn tự bổ sung hàng năm trong quá trình hoạt động.

đ) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

e) Tiền đóng góp tự nguyện, các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật để hình thành vốn chủ sở hữu.

2. Vốn huy động :

a) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật.

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và thông báo cho Bộ Tài chính; nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP

Điều 16. Vốn nhận ủy thác

1. Vốn nhận ủy thác từ ngân sách nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

2. Vốn nhận ủy thác quản lý hoạt động của các Quỹ do ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

3. Vốn do phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh để huy động vốn cho ngân sách tỉnh.

4. Vốn nhận ủy thác **không thuộc** vốn hoạt động của Quỹ.

Chương V
TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ

Điều 17. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ.

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm có 05 (năm) thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định .

2. Hội đồng quản lý Quỹ gồm có 01 Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Giám đốc Quỹ và các thành viên .

3. Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ nào khác trong Quỹ.

4. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải có kiến thức, kinh nghiệm về tài chính, đầu tư vốn, quản trị doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được là người có liên quan của nhau.

5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm.

6. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là năm năm; thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

7. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau :

a) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

b) không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tước bỏ năng lực hành vi dân sự.

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho cá nhân hoặc cho người khác, báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Quỹ.

d) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.

e) Khi có quyết định xử lý kỷ luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được thay thế trong những trường hợp:

a) Xin từ chức.

b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí việc khác.

c) Không đảm bảo sức khoẻ đảm nhận công việc.

d) Khi có sự khiếm khuyết trong Hội đồng quản lý Quỹ vì những lý do khác.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau :

1. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do nhà nước giao cho Quỹ.

3. Xem xét và thông qua chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

5. Xem xét, thông qua khung lãi suất cho vay tối thiểu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Xem xét, quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư đối với các dự án hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.

7. Xem xét trình UBND tỉnh quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư đối với các dự án hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

9. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

10. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng Ban Kiểm soát Quỹ. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

11. Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ ban hành một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

12. Ban hành quy chế quản lý tài chính, tài sản và các quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế quản lý, hoạt động khác của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để làm căn cứ triển khai hoạt động của Quỹ.

13. Quyết định cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

14. Thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ; phương án sử dụng lợi nhuận (sau khi trừ đi các khoản phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước “nếu có”); xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh theo đề nghị của Giám đốc Quỹ; quyết định gia hạn nợ theo thẩm quyền; quyết định xóa nợ lãi vay cho vay đầu tư theo quy định của pháp luật.

15. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.

16. Xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ, phương án biên chế, chế độ tiền lương, thưởng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ và Sở Nội vụ. Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương thức tổ chức, bộ máy quản lý; Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định số lượng các phòng, ban nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và Sở Nội vụ.

17. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng và chịu trách nhiệm cá nhân từng thành viên Hội đồng về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

18. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Chủ tịch Hội đồng quản lý

Chủ tịch Hội đồng quản lý có quyền hạn và nhiệm vụ sau :

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn, tài sản, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản lý Quỹ.

4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Phê duyệt hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng xem xét phê duyệt **phương án** tuyển dụng theo phương án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm căn cứ cho Giám đốc Quỹ thực hiện tuyển dụng nhằm đảm bảo lực lượng đáp ứng nhiệm vụ. Xem xét phê duyệt việc bổ nhiệm người giữ chức danh lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ **và của Sở Nội vụ**.

7. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc đề nghị của Trường Ban kiểm soát sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt phải thông báo lý do vắng mặt bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền làm Chủ tọa trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 3 ngày trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải theo đúng chương trình đã được thông báo trước và phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các

quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số thành viên trong Hội đồng có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của người Chủ tọa cuộc họp là quyết định cuối cùng. Thành viên của Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp và được tất cả các thành viên tham dự cuộc họp ký tên. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản lý Quỹ ký thay.

7. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 21. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý; Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

1. Mọi chi phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp, thưởng của Hội đồng quản lý và thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ theo chế độ quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản lý Quỹ được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn. Các thành viên kiêm nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ được hưởng phụ cấp trách nhiệm và tiền thưởng theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Điều 22. Tổ chức Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát có tối đa 02 (hai) thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; các chi phí hoạt động, phụ cấp và các quyền lợi khác của ban kiểm soát theo chế độ quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Trưởng Ban kiểm soát là thành viên của Ban kiểm soát, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch

Hội đồng quản lý Quỹ. Trường Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ.

3. Nhiệm kỳ của Trường Ban kiểm soát và các thành viên khác không quá 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý bổ nhiệm theo đề nghị của Trường Ban kiểm soát.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau :

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách chế độ và nghiệp vụ hoạt động của Quỹ, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

2. Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý Quỹ. Trường Ban kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ.

3. Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không tham gia biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, thua lỗ hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

6. Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Trường hợp đột xuất vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của ban kiểm soát, Trường Ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 24. Tổ chức Bộ máy điều hành của Quỹ

1. Bộ máy điều hành của Quỹ gồm Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó Giám đốc) và các Phòng, Ban nghiệp vụ.

2. Giám đốc Quỹ là Thành viên của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ phải đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương .

4. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ có tối đa là 02 (hai). Phó Giám đốc và kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ và Sở Nội vụ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

5. Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu có các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ. Việc thành lập các Phòng, Ban của Quỹ do Hội đồng quản lý quyết định trên cơ sở nhu cầu cần thiết thực tế hoạt động của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ; Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ, quyền hạn sau :

a) Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng quản lý.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, như Quy chế tài chính, quy chế rủi ro, quy chế góp vốn và các Quy chế khác .

c) Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ.

d) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý, Sở Tài chính, với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

đ) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

e) Được phép đại diện cho Quỹ đối với các quan hệ ngoài nước sau khi đã có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý.

g) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

h) Xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng chiến lược, kế hoạch huy

động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

i) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

k) Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua theo thẩm quyền để làm căn cứ thực hiện.

l) Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, ban hành **quy trình** hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

m) Lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

n) Trên cơ sở cơ chế quản lý tài chính do Bộ Tài chính ban hành, xây dựng quy chế lao động, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, ... áp dụng chung cho toàn Quỹ để trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

p) Đề nghị Hội đồng quản lý và Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, kế toán trưởng của Quỹ.

q) Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, đào tạo cán bộ, nhân viên, người lao động và quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trưởng, phó các phòng nghiệp vụ; người được bổ nhiệm giữ chức danh trưởng, phó phòng nghiệp vụ phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn nghiệp vụ, sức khỏe và năng lực theo nhiệm vụ được giao.

r) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng quản lý ủy nhiệm.

Điều 26. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Các phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ và *Sở Nội vụ* đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ.

2. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ.

3. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách.

4. Kế toán trưởng phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn; có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

Điều 27. Bộ máy nghiệp vụ

1. Các bộ phận nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và *Sở Nội vụ*. Các

bộ phận nghiệp vụ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

2. Lãnh đạo các phòng, ban nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật. Việc bổ nhiệm cán bộ giữ chức danh lãnh đạo phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện theo quy định tại Điểm q Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

3. Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên môn chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Chương VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Điều 28. Chế độ tài chính – Kế toán – Kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính ban hành.

2. Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán của một tổ chức kiểm toán độc lập.

Điều 29. Chế độ báo cáo thống kê

1. Quỹ có trách nhiệm lập báo cáo tài chính năm trình Hội đồng quản lý Quỹ thẩm tra và thông qua; quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh việc trích lập và phân phối các quỹ theo quy định của Bộ Tài chính và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hàng năm Quỹ có trách nhiệm báo cáo quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan thuế.

3. Định kỳ (tháng, quý, năm) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính, đồng gửi Sở Tài chính các báo cáo theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bao gồm :

a) Kế hoạch huy động vốn và kế hoạch sử dụng vốn.

b) Kế hoạch thu, chi tài chính, kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh.

c) Kế hoạch lao động, tiền lương.

5. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 01 năm kế hoạch, Quỹ có trách nhiệm gửi Bộ Tài chính, đồng gửi Sở Tài chính kế hoạch tài chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương VII

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 30. Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 31. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 33. Điều lệ này được áp dụng cho Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu thực hiện theo Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 34. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, tổng kết kinh nghiệm về các mặt hoạt động, đề xuất những điều khoản cần thiết phải sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ này để phù hợp với thực tế, quy định hiện hành của pháp luật và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *reabur*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên